ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 132/2026/QĐ-UBND	*Thái Nguyên, ngày 09 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án;

Căn cứ Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Thông tư số 73/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư dự án;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 12993/TTr-STC ngày 10 tháng 9 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 10 năm 2026.

2. Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

b) Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực VII và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Hậu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
(Ban hành kèm theo Quyết định số 132/2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Hình thức hỗ trợ và định mức hỗ trợ

Việc hỗ trợ phải đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung, tiêu chí hỗ trợ theo quy định và công khai, minh bạch. Khuyến khích huy động tối đa sự tham gia, đóng góp tự nguyện của cộng đồng dân cư và các nguồn vốn hợp pháp khác.

1. Hình thức hỗ trợ

Ngân sách nhà nước hỗ trợ bằng tiền một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều này, phần còn lại (nếu có) được huy động từ sự đóng góp của người dân và các nguồn vốn hợp pháp khác, bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 16 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 358/2025/NĐ-CP).

2. Định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ (bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương)

Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với dự án đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giao cộng đồng dân cư tự thực hiện theo định mức như sau:

a) Dự án thực hiện trên địa bàn xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hoặc thôn, xóm, tổ dân phố (gọi chung là thôn) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hoặc thôn đặc biệt khó khăn: Mức hỗ trợ tối đa 100% tổng mức đầu tư dự án.

b) Dự án thực hiện trên địa bàn xã khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này: Mức hỗ trợ tối đa 90% tổng mức đầu tư.

c) Dự án thực hiện trên địa bàn xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này: Mức hỗ trợ tối đa 80% tổng mức đầu tư.

d) Dự án không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, b và c khoản này: Mức hỗ trợ tối đa 70% tổng mức đầu tư.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn

1. Việc phê duyệt dự án đầu tư, triển khai thực hiện dự án, phân bổ kế hoạch vốn, quản lý sử dụng vốn phải đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí, đúng các quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

2. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư dự án nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện phải bảo đảm đúng quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP; Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (sau đây gọi là Nghị định số 254/2025/NĐ-CP); Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án (sau đây gọi là Nghị định số 193/2026/NĐ-CP); các văn bản có liên quan và Quy định này.

Điều 5. Quản lý, thanh toán vốn

1. Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và các quy định có liên quan.

2. Chủ đầu tư dự án mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện theo quy định.

Chủ đầu tư tạm ứng, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (khuyến khích việc thanh toán không dùng tiền mặt) thông qua Ban phát triển thôn theo hợp đồng đã ký kết.

3. Hồ sơ, tài liệu thanh toán của dự án thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

4. Tạm ứng vốn thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP *(không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng)*.

5. Hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành

a) Đối với khối lượng công việc hoàn thành thực hiện thông qua hợp đồng, thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

b) Đối với khối lượng công việc hoàn thành thực hiện không thông qua hợp đồng, thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Quyết toán vốn đầu tư

1. Quyết toán vốn đầu tư theo niên độ hằng năm

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP, Thông tư số 91/2025/TT-BTC và Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định trình tự, thời gian lập, xét duyệt và gửi báo cáo quyết toán vốn đầu tư công theo niên độ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Quyết toán vốn đầu tư dự án

Các dự án đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giao cho cộng đồng tự thực hiện khi hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng hoặc dừng, tạm ngừng, hủy bỏ (gọi chung là dừng) theo văn bản cho phép dừng thực hiện của người có thẩm quyền quyết định đầu tư phải được quyết toán vốn đầu tư dự án theo đúng quy định hiện hành.

Vốn đầu tư được quyết toán là toàn bộ chi phí hợp pháp đã thực hiện (bao gồm cả các chi phí thanh toán hợp đồng bảo hiểm, phí, lệ phí, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán) trong quá trình đầu tư để đưa dự án vào khai thác, sử dụng hoặc dừng thực hiện theo văn bản cho phép dừng thực hiện của người có thẩm quyền quyết định đầu tư. Chi phí đầu tư được quyết toán phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư được duyệt hoặc được điều chỉnh, bổ sung theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án; thời hạn lập hồ sơ quyết toán, biểu mẫu, chế độ báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 193/2026/NĐ-CP và Thông tư số 73/2026/TT-BTC.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan

1. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ, giao, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện lựa chọn cơ chế giao cho cộng đồng dân cư (thông qua Ban phát triển thôn) tự thực hiện đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định.

b) Phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước đúng mục đích, đúng đối tượng và đúng định mức hỗ trợ theo quy định.

c) Công nhận Ban phát triển thôn theo quy định.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện dự án, việc sử dụng vốn đầu tư ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện.

b) Giao phòng chuyên môn thực hiện thẩm tra để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án theo đúng quy định về quản lý vốn đầu tư xây dựng công trình.

4. Chủ đầu tư dự án

a) Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

b) Tổ chức quản lý dự án, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư dự án đúng quy định.

5. Ban phát triển thôn

a) Cộng đồng dân cư có trách nhiệm bầu ra Ban phát triển thôn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

b) Ban phát triển thôn có trách nhiệm tổ chức thi công xây dựng công trình; nghiệm thu, thanh toán, quyết toán hợp đồng; giải đáp các thắc mắc của cộng đồng dân cư theo quy định.

c) Hoàn trả đầy đủ, kịp thời số vốn mà chủ đầu tư đã chi trả vượt so với giá trị quyết toán được phê duyệt (nếu có).

6. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng (Ban Giám sát của cộng đồng)

a) Thực hiện trách nhiệm giám sát trong quản lý thi công xây dựng công trình theo quy định.

b) Đề nghị chủ đầu tư, các nhà thầu báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin làm rõ những vấn đề mà cộng đồng có ý kiến.

c) Tổng hợp ý kiến của cộng đồng, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, các báo cáo của Chủ đầu tư và các nhà thầu, đề xuất các biện pháp giải quyết đối với những vấn đề mà cộng đồng có ý kiến, kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý.

d) Thông báo đến cộng đồng và các cơ quan liên quan biết về quyết định của cấp có thẩm quyền đối với những vấn đề mà cộng đồng có ý kiến.

7. Kho bạc Nhà nước Khu vực VII

a) Tổ chức thực hiện thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ cho nhiệm vụ, dự án theo đề nghị của chủ đầu tư trên cơ sở hồ sơ pháp lý, tạm ứng, thanh toán đảm bảo đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP và Quy định này.

b) Đối chiếu, xác nhận số vốn đã giải ngân thanh toán, quyết toán vốn đầu tư hằng năm cho từng dự án theo quy định về quyết toán ngân sách nhà nước.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức phản ánh về Sở Tài chính để nghiên cứu, tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung theo quy định.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các dự án đầu tư đặc thù được Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho cộng đồng tự thực hiện đang triển khai theo cơ chế, chính sách của Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND, Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.